TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS - ST

Ngày: 26/5/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay vàng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Phượng

2. Ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 278/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay vàng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (có mặt).

- *Bị đơn*: 1/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1979 (vắng mặt).

2/ Bà Vương Thị Thương T, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Văn P và bà Vương Thị Thương T có hỏi mượn của bà Nguyễn Thị H số vàng 07 (bảy) chỉ vàng 24k, mục đích để trả tiền mua xe tải. Trong đó vào tháng 3 năm 2017 âm lịch đưa trước cho vợ chồng ông P 06 (sáu) chỉ vàng 24k. Đến tháng 4 năm 2017 âm lịch, bà H đưa cho ông P mượn thêm 01 (một)

chỉ vàng 24k nữa, ông P nhận vàng tại nhà bà H. Tổng cộng bà H đã cho vợ chồng ông P mượn 07 (bảy) chỉ vàng 24k. Do chỗ chị em nên không làm giấy tờ biên nhận gì cả, tuy nhiên đối với 06 chỉ vàng 24kara, bà H giao cho chị ruột tên Nguyễn Thị Nhành và bà Nhành có kêu xe ôm đem giao tận nhà cho vợ chồng ông P và bà T nhận, còn 01 chỉ vàng 24ka do ông P mượn sau thì không có ai chứng kiến. Nay bà H cần đến số vàng trên nên yêu cầu vợ chồng ông P trả nhưng vợ chồng ông P không trả nên bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P cùng vợ là bà Vương Thị Thương T phải trả 07 (bảy) chỉ vàng 24k. Bà H không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2020 như sau: Ông không nhớ vào thời gian nào, nhưng ông P thừa nhận ông và vợ là bà Vương Thị Thương T có mượn của bà Nguyễn Thị H 06 (sáu) chỉ vàng 24k, số vàng này do vợ chồng cùng mượn. Đối với 01 (một) chỉ vàng 24k mượn sau là do ông P vay riêng, bà T không biết. Lúc vay và lúc trả do là chỗ chị em ruột nên không có làm giấy tờ gì, cũng không có người chứng kiến. Sau đó, ông và bà T đã trả cho bà H được 06 (sáu) chỉ vàng 24k, khi trả không có viết biên nhận cũng không ai biết. Đối với 01 (một) chỉ vàng 24k ông vay riêng, cho đến ông chưa trả và ông chỉ đồng ý một mình ông trả cho bà Nguyễn Thị H 01 (một) chỉ vàng 24kara.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2020 cũng như tại phiên tòa, bà Vương Thị Thương T là bị đơn trình bày: Bà T thừa nhận vào tháng 4 năm 2017 âm lịch (bà không nhớ ngày nào), vợ chồng bà và ông Nguyễn Văn P có mượn của bà Nguyễn Thị H 06 (sáu) chỉ vàng 24k, khi hỏi mượn vàng không có làm biên nhận nhưng cách thức giao vàng như bà H trình bày là đúng. Sau đó, vài tháng bà cùng chồng là ông T đã trả đủ cho bà H 06 chỉ vàng 24k đã mượn rồi, vàng trả lại nhà bà H. Lúc trả do là chỗ chị em ruột nên không có làm giấy tờ gì, chỉ có chồng bà H chứng kiến, ngoài ra không ai biết. Đối với 01 (một) chỉ vàng 24k là ông P vay riêng và ông P có nói với bà là vay riêng nên bà T không liên quan đến 01 chỉ vàng này. Bà T cho rằng vợ chồng bà đã trả đủ vàng cho bà H 06 chỉ vàng 24kara do vợ chồng cùng vay, còn lại 01 (một) chỉ vàng 24k do ông P vay riêng nên bà không có trách nhiệm đối với số vàng này, Nay bà T không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn P và bà Vương Thị Thương T thừa nhận có mượn của bà Nguyễn Thị H 06 (sáu) chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, ông P và bà T khai đã trả đủ 06 chỉ vàng 24k đã mượn nhưng không có chứng cứ chứng minh nên lời khai của ông P và bà T không có căn cứ.

Đối với 01 (một) chỉ vàng 24k ông P khai là mượn riêng, vợ ông không biết. Tuy nhiên, thời điểm ông Pông P mượn là trong thời kỳ hôn nhân; bà T cũng khai tiền bạc trong nhà vợ chồng cùng quản lý và chi xài chung, công việc làm ăn chung, không có kinh doanh gì riêng. Do đó, bà T cho rằng đây là nợ riêng của ông P, bà không có trách nhiệm là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/12/2012 quy định về quản lý, hoạt động kinh doanh vàng thì vàng sẽ được quy đổi thành tiền, cho nên 07 chỉ vàng 24kara sẽ quy đổi thành tiền tương đương 33.110.000 đồng (tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24kara tương đương 4.730.000 đồng).

Do đó, buộc ông Nguyễn Văn P và bà Vương Thị Thương T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 33.110.000 đồng (tương đương với 07 chỉ bàng 24k).

Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P và bà Vương Thị Thương T phải trả 07 chỉ vàng 24k bà đã cho mượn, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Mặt khác, ông P và bà T có hộ khẩu thường trú tại ấp Ô Chích, xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu trả 07 chỉ vàng 24k của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H cho vợ chồng ông P và bà T mượn vàng làm 02 lần. Một lần cho mượn 06 chỉ vàng 24k, tuy không làm giấy tờ, không có người chứng kiến nhưng bà T và ông P đã thừa nhận là có mượn 06 chỉ vàng 24k của bà H. Do đó, việc mượn vàng là có thật, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T và ông P khai đã trả cho bà H 06 chỉ vàng 24k nhưng bà H không thừa nhận có sự việc này; bà T và ông P lại không có chứng cứ để chứng minh nên lời khai của bà T và ông P là không có căn cứ.

[3] Một lần khác, bà H cho ông P mượn 01 chỉ vàng 24k, ông P thừa nhận là ông có mượn nhưng chưa trả, còn bà T thì cho rằng đây là nợ riêng của ông P, bà không biết nên không có nghĩa vụ đối với khoản nợ riêng này của ông P. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian ông P mượn vàng còn trong thời kỳ hôn nhân với bà T, mục đích mượn vàng để làm gì ông P không nhớ, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 4 năm 2010 bà T khai tiền bạc trong nhà vợ chồng cùng quản lý và chi xài chung, công việc làm ăn chung, không có kinh

doanh gì riêng. Do đó, căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cả ông P và bà T cùng có trách nhiệm liên đới đối với 01 chỉ vàng do ông P mượn.

[4] Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-Cp ngày 03/12/2012 quy định về quản lý, hoạt động kinh doanh vàng thì vàng sẽ được quy đổi ra thành tiền, tại thời điểm xét xử 07 chỉ vàng 24kara tương đương 33.110.000 đồng (01 chỉ vàng 24kara tương đương 4.730.000 đồng).

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H. Buộc ông P và bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà H 33.110.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp.

[7] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 24/2012/NĐ-Cp ngày 03/12/2012 của Chính phủ quy định về quản lý, hoạt động kinh doang vàng;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Vương Thị Thương T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 33.110.000 đồng (tương đương với 07 chỉ bàng 24k. Giá 01 chỉ vàng 24k tại thời điểm xét xử bằng 4.730.000 đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Vương Thị Thương T phải chịu 1.655.5 00 đồng. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng đã dự nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007913 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai